

Biểu 10/CH
DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025 HUYỆN PHƯỚC SƠN

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)
	Tổng cộng	1.458,65	117,38	1.341,27	3,07	4,46	46,70	310,76	0,72	841,50	1,90	4,02	0,28	0,16	0,85	0,25	6,27	0,25	6,76	0,01	0,03	0,01	0,05	40,33	3,77	69,12									
I	Công trình dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	105,91	24,56	81,35	1,87	0,46	1,91	5,39	0,05	30,53	0,38	1,61	0,26	0,15	0,20		3,78	0,20	5,46		0,01	0,01	0,05	26,25	1,95	0,83									
1.1.	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh	1,72		1,72			0,04	0,37		0,30		0,07	0,20	0,15	0,18		0,13		0,10						0,12	0,06									
CAN	Đất an ninh	1,57		1,57			0,04	0,32		0,30		0,07	0,20	0,15	0,08		0,13		0,10						0,12	0,06									
1	Trụ sở làm việc công an xã Phước Chánh	0,14		0,14				0,10				0,03					0,01										Phước Chánh	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam	NS tỉnh và NS huyện đối ứng	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn			Chuyển tiếp từ 2024	đã đo đạc xong, đang thực hiện thủ tục thu hồi đất
2	Trụ sở làm việc công an xã Phước Công	0,16		0,16				0,11		0,03		0,01					0,01										Phước Công	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh	NS tỉnh và NS huyện đối ứng	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn			Chuyển tiếp từ 2024	đã ban hành thông báo thu hồi đất

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)
																													Quảng Nam						
3	Trụ sở công an xã Phước Đức	0,15		0,15									0,15														Phước Đức	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam	NS tỉnh và NS huyện đối ứng	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn			Chuyển tiếp từ 2024	đang thực hiện thủ tục thu hồi (đất TSC thu hồi giao cho CAN)
4	Trụ sở công an xã Phước Hiệp	0,10		0,10						0,05																0,05	Phước Hiệp	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam	NS tỉnh và NS huyện đối ứng	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn			Chuyển tiếp từ 2024	đã đo đạc xong, đang thực hiện thủ tục thu hồi
5	Trụ sở công an xã Phước Hòa	0,09		0,09				0,05		0,03		0,01															Phước Hòa	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 2970/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện Phước Sơn về phê duyệt dự án; Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều	Ngân sách tỉnh, huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn			chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024	đã thu hồi xong, đang làm gcnqsd cho công an tỉnh

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
6	Trụ sở công an xã Phước Kim	0,15		0,15																							Phước Kim	bản đồ kế hoạch 2025	01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam	NS tỉnh và NS huyện đối ứng	Công an huyện Phước Sơn			Chuyển tiếp từ 2024	đang thu hồi đất trạm y tế để giao cho công an tỉnh
7	Trụ sở công an xã Phước Lộc	0,15		0,15			0,04			0,02								0,09									Phước Lộc	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam	NS tỉnh và NS huyện đối ứng	Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Phước Sơn			Chuyển tiếp từ 2024	đã đo đạc xong, đang thực hiện thủ tục thu hồi
8	Trụ sở công an xã Phước Mỹ	0,13		0,13				0,01				0,02			0,08		0,01								0,01	Phước Mỹ	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân	NS tỉnh và NS huyện đối ứng	Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Phước Sơn			Chuyển tiếp từ 2024	đã đo đạc xong, đang thực hiện thủ tục thu hồi	

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)
																													tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam						
9	Trụ sở công an xã Phước Năng	0,20		0,20				0,05		0,02							0,01								0,12		Phước Năng	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 92/QĐ-UBND ngày 01/2/2023 của UBND huyện v/v phê duyệt dự án đầu tư; Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam	Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện đối ứng	Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Phước Sơn			Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	xong thu hồi đất, đang làm thủ tục giao đất cho công an tỉnh
10	Trụ sở công an xã Phước Thành	0,15		0,15						0,10																	Phước Thành	Thửa 02, tờ bản đồ 02 - 2020	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây	NS tỉnh và NS huyện đối ứng	Công an huyện Phước Sơn			Chuyển tiếp từ 2024	đang xây dựng, nằm trong trụ sở UBND xã (TSC + RSX)

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)
																													dựn trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam						
11	Trụ sở công an xã Phước Xuân	0,15		0,15							0,05																Phước Xuân	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam	NS tỉnh và NS huyện đối ứng	Công an huyện Phước Sơn			Chuyển tiếp từ 2024	đã thỏa thuận địa điểm, đang thi công (DNL của ĐăkMi)
CQP	Đất quốc phòng	0,15		0,15				0,05							0,10																				
12	Xây dựng nhà làm việc Xã đội Phước Hòa	0,10		0,10											0,10												Phước Hòa	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND huyện Phước Sơn về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023					Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	Đang xây dựng, chưa làm thủ tục đất đai (đổi vị trí)
13	Trụ sở làm việc ban chỉ huy quân sự xã Phước Chánh	0,05		0,05				0,05																			Phước Chánh	bản đồ kế hoạch 2025	Biên bản số 22/BB-UBND ngày 21/8/2024 của UBND xã Phước Chánh vv thỏa thuận, cam kết bố trí địa điểm đất xây dựng trụ sở làm việc BCHQS xã Phước Chánh					Đăng ký mới 2025	
1.2.	Công trình dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	104,19	24,56	79,63	1,87	0,46	1,87	5,02	0,05	30,23	0,38	1,54	0,06		0,02		3,65	0,20	5,36		0,01	0,01	0,05	26,25	1,83	0,77									

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
1.2.1	Công trình,dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất																																		
1.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư	104,19	24,56	79,63	1,87	0,46	1,87	5,02	0,05	30,23	0,38	1,54	0,06		0,02		3,65	0,20	5,36		0,01	0,01	0,05	26,25	1,83	0,77									
14	Dự án thành phần QNA-05 Nâng cấp hệ thống thủy lợi kết hợp nước sinh hoạt khai thác đa mục tiêu xã Phước Năng, huyện Phước Sơn	38,11		38,11	1,23	0,01	0,59	0,82		5,46	0,01	0,20	0,01		0,01		3,28	0,15			0,01			24,50	1,83		Phước Năng	bản đồ kế hoạch 2025	Quyết định số 1170/QĐ-TTg ngày 03/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Quảng Nam	Ngân sách tỉnh	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Nam	NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023	Tiến độ: đã thu hồi 1 phần, tiếp tục thực hiện, đang thi công	
15	Cải tạo, nâng cấp QL14E đoạn Km15+270 - Km89+700 , tỉnh Quảng Nam	66,08	24,56	41,52	0,64	0,45	1,28	4,20	0,05	24,77	0,37	1,34	0,05		0,01		0,37	0,05	5,36			0,01	0,05	1,75	0,77	Phước Hiệp; Phước Hòa; Phước Xuân	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ 1531/QĐ-BGTVT ngày 17/8/2021 của Bộ GTVT phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Ngân sách Nhà nước	Ban quản lý dự án 4 - Cục Đường bộ Việt Nam	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 38/NQ-HĐND ngày 22/9/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 25 ngày 19/4/2021	NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, tổng diện tích đã thu hồi là 632.893,6 m2 tiếp tục thực hiện, điều chỉnh giảm diện tích theo điều chỉnh quy hoạch.	

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025	
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
II	Công trình dự án còn lại	1.352,74	92,82	1.259,92	1,20	4,00	44,79	305,37	0,67	810,97	1,52	2,41	0,02	0,01	0,65	0,25	2,49	0,05	1,30	0,01	0,02			14,08	1,82	68,29										
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3, Điều 62 Luật đất đai	366,76	24,55	342,21	0,73	2,27	41,91	160,08	0,03	59,14	0,84	1,96	0,01	0,01	0,64	0,25	1,08	0,02	0,52	0,01	0,02			8,05	1,01	63,63										
2.1.1	Dự án thuộc ngân sách nhà nước	75,48	18,25	57,23	0,73	0,12	2,84	12,58	0,03	30,36		1,96	0,01	0,01	0,64	0,25	1,08	0,02	0,52	0,01	0,02			2,37	1,01	2,67										
SKN	Đất cụm công nghiệp	15,00		15,00	0,50		0,10			14,40																										
16	GPMB, san cos nền cụm công nghiệp Đông Bắc TT Khâm Đức	15,00		15,00	0,50		0,10			14,40																	Khâm Đức	bản đồ kế hoạch 2025	NQ số 35/NQ-HĐND ngày 09/11/2021 của HĐND huyện Phước Sơn về sửa đổi bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2021 - 2025 (Biểu 2, Mục II, thứ tự 9)	Ngân sách Nhà nước	UBND huyện	NQ 01/NQ-HĐND ngày 23/01/2023 ; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024		
DGT	Đất giao thông	44,50	18,25	26,25	0,06	0,02	2,24	9,04	0,03	9,66		0,46	0,01	0,01	0,01			0,02	0,52	0,01	0,01			2,24	0,04	1,87										
17	Mương thoát nước Tổ dân phố số 1, thị trấn Khâm Đức (Đoạn từ tường chắn ra Hồ C7)	0,70		0,70			0,40	0,20		0,10																Khâm Đức	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 28/4/2023 của HĐND huyện Phước Sơn về bổ sung danh mục công trình, dự án thu hồi đất vào kế hoạch sử dụng đất 2023 huyện Phước Sơn		UBND thị trấn Khâm Đức	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 38/NQ-HĐND ngày 22/9/2023		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	chưa triển khai		
18	Đường giao thông nối xã Phước Năng - Phước Chánh	6,61	0,14	6,47			0,34	2,37		2,92														0,40	0,44	Phước Chánh ; Phước Năng	bản đồ kế hoạch 2025	Quyết định số 1850/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê	Ngân sách tỉnh và huyện	UBND huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND		Chuyển tiếp từ 2019, NQ 20, từ 2020,	đã thu hồi 1 phần, tiếp tục thực hiện, đang thi công		

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025	
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
	(ĐH6-PS)																												duyet chủ trương đầu tư			ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		2021, 2022, 2023, 2024		
19	Đường SX thôn 5 về nước rú thôn 3	1,50		1,50						1,50																		Phước Chánh	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị Quyết HĐND xã số: 20 ngày 31/12/2021 bổ sung kế hoạch trung hạn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đầu tư công 2021-2025		UBND XÃ	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyể n tiếp từ năm 2023, 2024	dân hiến đất, chưa làm
20	Nâng cấp ĐH1.PS (đoạn Phước Đức - Phước Kim)	5,36	4,14	1,22		0,01		0,04		0,62		0,17	0,01	0,01						0,01	0,01			0,01	0,04	0,29	Phước Chánh ; Phước Đức	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 2369/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND huyện vv phê duyệt dự án đầu tư; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 12/3/2024 của HĐND huyện Phước Sơn về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, biểu 09 - stt 4; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 28/4/2023 của HĐND huyện Phước Sơn	Chương trình MTQG	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023		Chuyể n tiếp từ 2024	đã đo đạc cắm mốc, đang làm thủ tục thu hồi	
21	Đường sản xuất thôn 1	0,70		0,70				0,10		0,60																	Phước Công	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 28/6/2023 của HĐND xã Phước Công về đầu tư công năm 2024	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng ĐBDTTS & MN		NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023		Chuyể n tiếp từ 2024	Đã thực hiện gần xong (vận động người dân hiến đất không THĐ), chuyển tiếp để thực hiện thủ tục THĐ	
22	Đường dân sinh thôn 2	0,25	0,01	0,24	0,02		0,05	0,01		0,15								0,01									Phước Công	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết số 39/NQ-	Nghị quyết số 02/NQ-	UBND xã	NQ 53/NQ-	NQ 54/NQ-	Chuyể n tiếp	đã đo đạc xong, đang	

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
	(Sân vận Động đi nhà Ông Thuận)																											HĐND ngày 28/6/2023 của HĐND xã Phước Công về đầu tư công năm 2024	HĐND ngày 14/4/2022 của HĐND huyện Phước Sơn		HĐND ngày 8/12/2023	HĐND ngày 8/12/2023	từ 2024	thực hiện thủ tục thu hồi đất	
23	Đường sản xuất liên xã Phước Đức – Phước Năng	2,74	0,55	2,19			0,40	1,31		0,47																Phước Đức; Phước Năng	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 311/QĐ-UBND ngày 17/2/2023 của UBND huyện vv phê duyệt dự án đầu tư; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 12/3/2024 của HĐND huyện Phước Sơn về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, biểu 09 - stt 3	Ngân TW, huyện	sách tỉnh,	Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, tiếp tục thực hiện. Đã bồi thường xong cây cối, hoa màu và đất. Đã xong nền đường tại Phước Năng, chưa xong nền đường tại Phước Đức. Đang thi công
24	Đường vào khu sản xuất Xà Rã thôn 2 xã Phước Đức	0,94	0,05	0,89			0,04	0,03		0,70							0,01									Phước Đức	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 của HĐND huyện Phước Sơn về phê duyệt danh mục chi tiết công trình đầu tư công trung hạn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện	Chương trình MTQG	Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã đo đạc, đang triển khai bước tiếp theo thủ tục đất đai	
25	Đường GT thôn 1 - Thôn 4 xã Phước Đức giai đoạn 2	1,37	1,16	0,21			0,01	0,09		0,01		0,05														Phước Đức	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ 844/QĐ-UBND ngày 3/4/2023 của UBND huyện Phước Sơn phê duyệt dự án đầu tư	Ngân sách TW, tỉnh, ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 38/NQ-HĐND ngày 22/9/2023		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, đã bồi thường 70% (đoạn từ sân bóng thôn 2 về thôn 5 chưa bồi thường), tiếp tục thực hiện, đang thi công. Năm 2024 đã thu hồi: CLN:	

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
																																		222m2, HNK: 676m2, RSX: 191m2	
26	Kè sông Trường (đoạn qua xã Phước Hoà và xã Phước Hiệp), huyện Phước Sơn	0,83		0,83				0,72										0,08						0,03			Phước Hiệp; Phước Hòa	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 3056/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Kè Sông Trường (đoạn qua xã Phước Hòa và xã Phước Hiệp), huyện Phước Sơn	Ngân sách huyện, Ngân sách cấp trên	UBND huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021		chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, tiếp tục thực hiện, đang thi công
27	Cầu qua sông Trường xã Phước Hiệp và đường giao thông vào vùng sản xuất Phước Hiệp - Phước Hòa (Điểm đầu tuyến giáp nối nút GT hiện trạng Quốc lộ 14E tại Km 72+387)	0,11		0,11	0,04					0,07																	Phước Hiệp	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 1861/QĐ-UBND ngày 27/7/2023; QĐ số 2210/QĐ-UBND ngày 5/9/2023 của UBND huyện Phước Sơn v/v phê duyệt dự án ; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 12/3/2024 của HĐND huyện Phước Sơn về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, biểu 09 - stt 5	Ngân sách TW, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện đối ứng	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 38/NQ-HĐND ngày 22/9/2023		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã thu hồi 90% dự án, tiếp tục thực hiện (đôi tên: Cầu qua sông Trường xã Phước Hiệp và đường giao thông vào vùng sản xuất Phước Hiệp - Phước Hòa (Điểm đầu tuyến giáp nối nút GT hiện trạng Quốc lộ 14E tại Km 72+387) , điều chỉnh giảm diện tích theo điều chỉnh quy hoạch. Năm 2024 đã thu hồi: HNK:2,5m2 , RSX: 115,1m2, SON: 517,8m2, DCS: 1.144,7m2, DGT: 128,7m2, UBX: 8.395,8m2
28	Cầu qua sông Trường và đường giao	1,27	0,82	0,45				0,01										0,44									Phước Hòa	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 1172/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	Ngân sách TW, tỉnh, huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023;		Chuyển tiếp từ năm 2023,	đã thu hồi 1 phần, tiếp tục thực hiện, điều

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
	thông vào vùng sản xuất Phước Hòa – Phước Hiệp																												của UBND huyện Phước Sơn v/v phê duyệt dự án; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 12/3/2024 của HĐND huyện Phước Sơn về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, biểu 09 - stt 1		Phước Sơn	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		2024	chỉnh giảm diện tích theo điều chỉnh quy hoạch.
29	Ngầm tràn sông nước Mỹ và đường vào khu sản xuất Cà Năng	6,86	2,13	4,73				3,46		0,65														0,38	0,24	Phước Hòa; Phước Xuân	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 812/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND huyện Phước Sơn v/v phê duyệt dự án; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 12/3/2024 của HĐND huyện Phước Sơn về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, biểu 09 - stt 2	Vốn triển khai đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025	Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã ban hành thông báo thu hồi đất	
30	Khôi phục, tái thiết tuyến ĐH1.PS (đoạn Phước Kim – Phước Thành)	1,86		1,86			0,47	0,15		0,54		0,07												0,57	0,06	Phước Kim; Phước Thành	bản đồ kế hoạch 2025	Quyết định số 2313/QĐ-UBND 12/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt chủ trương đầu tư	Ngân sách TW, tỉnh, huyện	UBND huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 25 ngày 19/4/2021	NQ 31/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, tiếp tục thực hiện, đang triển khai thi công.	
31	Khôi phục, tái thiết tuyến	12,06	9,17	2,89			0,48	0,20	0,03	0,57		0,17			0,01									0,64	0,79	Phước Lộc; Phước	bản đồ kế hoạch 2025	Quyết định số 2314/QĐ-UBND	Ngân sách TW, tỉnh, huyện	UBND huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND	NQ 31/NQ-HĐND	Chuyển tiếp từ	đã thu hồi 1 phần, tiếp tục thực	

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất		Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
	ĐH2.PS (đoạn Phước Thành – Phước Lộc)																										Thành		12/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt chủ trương đầu tư			ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 25 ngày 19/4/2021			2021, 2022, 2023, 2024	hiện, đang triển khai thi công.
32	Đường vào khu sản xuất thôn 1 đến tiêu khu khu 703 xã Phước Mỹ huyện Phước Sơn	0,05		0,05			0,05																				Phước Mỹ	bản đồ kế hoạch 2025	CV 1148/UBND -KT ngày 4/10/2024 của UBND huyện Phước Sơn V/v thống nhất danh mục công trình để thực hiện “Xây dựng Đề án 450” Khu KTQP Tây Giang – Nam Giang, tỉnh Quảng Nam/QK5 ; văn bản số 91/ĐKT-BQL ngày 23/8/2024 của Đoàn kinh tế - Quốc phòng 207 Quân khu 5 về việc xin cung cấp hạng mục công trình để thực hiện “Xây dựng Đề án 450” Khu KTQP Tây Giang – Nam Giang, tỉnh Quảng Nam/QK5; QĐ 2392/QĐ-BQP ngày 29/8/2022	Ngân sách quốc phòng	UBND xã Phước Mỹ			Đăng ký mới 2025		
33	Đường vào khu sản xuất thôn 2 Đăksan xã	0,76	0,08	0,68		0,01		0,35		0,23														0,09			Phước Mỹ	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 07/9/2022	Chương trình MTQG	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày		Chuyển tiếp từ 2024	ban hành kế hoạch thu hồi, đã đo đạc xong,	

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025	
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
	Phước Mỹ																												của HĐND huyện Phước Sơn về phê duyệt danh mục chi tiết công trình đầu tư công trung hạn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện		Phước Sơn	8/12/2023			tiếp tục thực hiện	
34	Đường vào khu sản xuất tổ Trà Văn B thôn 1	0,53		0,53						0,53																	Phước Kim	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết 52/NQ-HĐND ngày 2/7/2024 của HĐND xã Phước Kim vv phê duyệt kế hoạch và danh mục công trình đầu tư công năm 2025; Thực hiện theo NQ ĐTC của HĐND huyện, vốn theo NQ88 CTMTQG phát triển sản xuất của vùng đồng bào dân tộc thiểu số	NSNN-UBND xã	UBND xã			Đăng ký mới 2025		
DTT	Đất cơ sở thể dục - thể thao	1,73		1,73						0,74							0,04								0,95											
35	Khu liên hợp thể thao huyện giai đoạn 2	1,73		1,73						0,74							0,04								0,95		Khâm Đức	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của HĐND huyện Phước Sơn	NS tỉnh, huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023			Chuyển tiếp từ 2024	đã đo đạc xong, đang triển khai thi công
DTL	Đất thủy lợi	2,26		2,26	0,06		0,02	0,14		1,69		0,06			0,01		0,19				0,01			0,07	0,01											
36	Nước sinh hoạt kết hợp với thủy lợi suối Nước Trong xã Phước Hiệp	2,26		2,26	0,06		0,02	0,14		1,69		0,06			0,01		0,19				0,01			0,07	0,01		Phước Hiệp	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 296/QĐ-UBND ngày 14/2/2023 của UBND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Vốn chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và đối ứng ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày			Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã ban hành thông báo thu hồi đất

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025	
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
																																8/12/2021				
DRA	Đất bãi thải, rác thải	2,81		2,81						1,90							0,07								0,04		0,80									
37	Mở rộng, nâng cấp khu xử lý rác thải tập trung thị trấn Khâm Đức	1,31		1,31						1,20							0,07								0,04			Khâm Đức	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 1404/QĐ-UBND ngày 9/6/2022 của UBND huyện Phước Sơn v/v phê duyệt BC KTKT dự án đầu tư	Ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022		chuyển tiếp từ 2022, bổ sung 2022, NQ 34, 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, đang thi công.
38	Khu xử lý rác thải sinh hoạt xã Phước Chánh	0,50		0,50						0,20																0,30	Phước Chánh	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 của Hội đồng nhân dân Huyện Phước Sơn về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	NS huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023		Chuyển tiếp từ 2024	đang làm thủ tục bố trí vốn	
39	Khu xử lý rác thải sinh hoạt xã Phước Hoà	1,00		1,00						0,50																0,50	Phước Hoà	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 của Hội đồng nhân dân Huyện Phước Sơn về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	NS huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023		Chuyển tiếp từ 2024	đang làm thủ tục bố trí vốn	
DG D	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	1,25		1,25				0,01		0,30		0,02			0,62	0,24	0,06																			
40	Sân chơi, bãi tập thể phục vụ dạy theo CTGDPT 2018 trường TH&THCS Phước Hòa	0,30		0,30						0,30																	Phước Hòa	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết 21/HĐND xã ngày 12/7/2022 về kế hoạch bổ sung danh mục đầu tư công năm 2022			NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	chưa rõ chủ đầu tư	
41	Trường TH&THCS xã Phước Mỹ	0,95		0,95				0,01				0,02			0,62	0,24	0,06										Phước Mỹ	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 18/7/2023	NS tỉnh, huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày		Chuyển tiếp từ 2024	đã đo đạc xong, đang làm thủ tục thu hồi đất	

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)
																													của HĐND huyện Phước Sơn		Phước Sơn	8/12/2023			
ONT	Đất ở tại nông thôn	6,37		6,37	0,11		0,48	2,55		1,44		1,11				0,01	0,64								0,02	0,01									
42	Bố trí dân cư thôn 4 xã Phước Đức	0,92		0,92			0,23	0,57									0,12										Phước Đức	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 12/3/2024 của HĐND huyện Phước Sơn về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, biểu 06 - stt 1; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 của HĐND huyện Phước Sơn về phê duyệt danh mục chi tiết công trình đầu tư công trung hạn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện	Chương trình MTQG	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023		Chuyển tiếp từ 2024	đã đo đạc xong, đang làm thủ tục thu hồi đất
43	Khu tái định cư, bố trí dân cư xã Phước Hiệp	1,11		1,11				0,44				0,24					0,42								0,01		Phước Hiệp	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 352/QĐ-UBND ngày 22/2/2023 của UBND huyện Phước Sơn v/v phê duyệt dự án	Vốn ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã đo đạc xong, đang làm thủ tục thu hồi đất, đang thi công
44	Khu giãn dân thôn 4 (thôn 8 cũ)	1,57		1,57	0,09		0,24	0,17		0,59		0,38					0,08							0,02			Phước Hiệp	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 2972/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện Phước Sơn về phê duyệt dự án	Ngân sách TW, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện đối ứng	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 38/NQ-HĐND ngày 22/9/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, đang thi công.
45	Bố trí dân cư thôn 3 xã Phước Mỹ	0,88		0,88	0,01			0,82				0,04					0,01										Phước Mỹ	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 07/9/2022	Chương trình MTQG	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày		Chuyển tiếp từ 2024	đo đạc xong, đang làm thủ tục thu hồi đất,

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
																												của HĐND huyện Phước Sơn về phê duyệt danh mục chi tiết công trình đầu tư công trung hạn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện		Phước Sơn	8/12/2023			đang triển khai thi công	
46	Khu tái định cư thôn 2 xã Phước Thành	0,79		0,79	0,01		0,01	0,35				0,41					0,01										Phước Thành	bản đồ kế hoạch 2025	Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND huyện Phước Sơn về việc phê duyệt đầu tư dự án khu tái định cư thôn 2 xã Phước Thành	Ngân sách TW và Ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 38/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023	Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, đang thi công
47	Khu giãn dân thôn Lao Mung	1,10		1,10				0,20		0,85		0,04				0,01											Phước Xuân	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 899/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của UBND huyện Phước Sơn v/v phê duyệt dự án	Ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, đang thi công.
NTD	Đất nghĩa trang nghĩa địa	0,70		0,70		0,10		0,60																											
48	Nghĩa trang nhân dân thôn 4	0,70		0,70		0,10		0,60																			Phước Thành	bản đồ kế hoạch 2025	NQ 16/2021 ngày 24/12/2021 của HĐND xã vv sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	NSNN	UBND xã	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đang lập thủ tục đầu tư
TSC	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,86		0,86				0,24		0,23		0,31					0,08																		
49	Trụ sở UBND xã Phước Đức	0,86		0,86				0,24		0,23		0,31					0,08										Phước Đức	bản đồ kế hoạch 2025	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 của Hội đồng nhân dân Huyện Phước Sơn về việc điều chỉnh kế hoạch vốn	NS huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023		Chuyển tiếp từ 2024	đo đạc xong, đang làm thủ tục thu hồi đất

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)
																													đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						
2.1.2	Dự án ngoài ngân sách Nhà nước	291,28	6,30	284,98		2,15	39,07	147,50		28,78	0,84														5,68		60,96								
DNL	Đất năng lượng	92,69		92,69		2,15	39,07	14,85		19,94	0,84															15,84									
50	Dự án thủy điện Nước Chè, hạng mục: Lòng hồ; khu phụ trợ đập chính; kênh dẫn PM	90,94		90,94		2,15	38,93	14,84		18,34	0,84															15,84	Phước Mỹ	bản đồ kế hoạch 2025	Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê quyết quy hoạch điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2020); Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Nam; Giấy chứng nhận đầu tư mã số 2407156263 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam chấp nhận thay đổi lần 2 ngày 7/9/2017	Vốn doanh nghiệp Cty CPTĐ Nước Chè	CTY CP TĐ NƯỚC CHÈ	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, tiếp tục triển khai
51	Dự án đường dây 220kv thủy điện Đăk Mi 1 - thủy điện Đăk Mi 2	1,61		1,61			0,13			1,48																	Phước Công, Phước Lộc	bản đồ kế hoạch 2025	CV 547/UBND-KT ngày 25/5/2023 của UBND huyện Phước Sơn V/v thống nhất phương án hướng tuyến đường dây DZ220 kV dự án thủy điện Đăk Mi 1 trên địa bàn huyện Phước Sơn; UBND tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty Cổ	Doanh nghiệp	Công ty CP Quang Đức Kon Tum			Đăng ký mới 2025	

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
	sản																																		
53	Xây dựng Hồ thải 1A	1,86		1,86						1,86																	Phước Đức	Trích lục bản đồ thửa đất do Phòng TNMT huyện Phước Sơn lập ngày 17/11/2021	QĐ 689/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam vv cho công ty TNHH Vàng Phước Sơn gia hạn thời gian thuê đất để tiếp tục sử dụng vào mục đích xây dựng Hồ Thải 1A thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng mở vàng hầm lò ĐăkSa tại xã Phước Đức, huyện Phước Sơn	Công ty TNHH Vàng Phước Sơn	Công ty TNHH Vàng Phước Sơn			Đăng ký mới 2025	
54	Xây dựng các công trình phục vụ công tác chế biến khoáng sản vàng gốc tại thôn 4 xã Phước Hiệp	1,26		1,26																						1,26	Phước Hiệp	1. 1702154,97 525453,78/ 8. 1702073 525660 2. 1702153 525514/ 9. 1702070 525631 3. 1702134 525582/ 10. 1702100 525610 4. 1702125 525655/ 11. 1702112 525563 5. 1702069 525711/ 12. 1702061 525523 6. 1702060 525701/ 13. 1702094,97 525453,38 7. 1702076 525693	Thông báo số 15-TB/HU ngày 21/10/2020 của Ban Thường vụ Huyện uỷ Phước Sơn vv thống nhất chủ trương dự án Huyện uỷ Phước Sơn về việc thông báo kết luận của Ban Thường vụ Huyện uỷ về chủ trương thỏa thuận địa điểm lập thủ tục xin thuê đất xây dựng công trình phụ trợ phục vụ công tác khai thác khoáng sản vàng gốc tại Thôn 4, xã Phước Hiệp của Công ty CP Khoáng sản	Công ty cổ phần khoáng sản S.S.G	Công ty cổ phần khoáng sản S.S.G			Chuyển tiếp từ 2024	đang làm hồ sơ thuê đất

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)
																													SSG.						
55	Xây dựng khu chế biến phục vụ hoạt động khai thác vàng gốc tại thôn 4, Phước Hiệp	2,08		2,08																						2,08	Phước Hiệp 1. 1701944 525977 2. 1701833 525945 3. 1701796 526013 4. 1701890 526070 5. 1701878 526146 6. 1701956 526181 7. 1701972 526110 8. 1701944 526027	Thông báo số 180-TB/HU ngày 09/11/2022 của Ban Thường vụ Huyện uỷ Phước Sơn vv thông nhất địa điểm dự án; Giấy phép số 4372/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam	Công ty cổ phần khoáng sản S.S.G	Công ty cổ phần khoáng sản S.S.G				Chuyển tiếp từ 2024	đang làm hồ sơ thuê đất
56	Khai thác và chế biến khoáng sản vàng gốc khu vực Bãi Quế	26,81		26,81						1,41																25,40	Phước Hiệp có toạ độ vị trí bản đồ kế hoạch	Giấy phép khai thác số 834/GP-STNMT ngày 09/11/2022 của Sở TN&MT	Vốn doanh nghiệp	Công ty TNHH MTV Hữu Minh Quảng Nam				Chuyển tiếp từ 2024	đang làm hồ sơ thuê đất
57	Khai thác vàng gốc tại Bãi Vườn Rau thôn 2, xã Phước Lộc	13,50		13,50																						13,50	Phước Lộc có toạ độ vị trí bản đồ kế hoạch	CV 5887/UBND -KTN 8/10/2020 vv điều chỉnh diện tích để cấp phép khai thác khoáng sản tại Bãi Vườn Rau, thôn 8, xã Phước Lộc, huyện Phước Sơn	Công ty cổ phần Nghĩa Chánh	Công ty cổ phần Nghĩa Chánh				Chuyển tiếp từ 2024	Đang chờ cấp phép đầu tư, cấp phép khai thác khoáng sản
58	Đất bãi thải	2,88		2,88																						2,88	Phước Lộc có toạ độ vị trí bản đồ kế hoạch	QĐ 3155/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam vv phê duyệt trữ lượng khoáng sản vàng gốc	Công ty cổ phần Nghĩa Chánh	Công ty cổ phần Nghĩa Chánh	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023			Chuyển tiếp từ 2024	đang xin chủ trương huyện và tỉnh
59	Mỏ vàng Bãi Ruộng Thôn 2, xã Phước Thành, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam	1,01	1,01																								Phước Thành bản đồ kế hoạch 2025	Quyết định trúng đấu giá số 501/QĐ-UBND ngày 01/03/2023	Doanh nghiệp	CÔNG TY TNHH PHƯỚC MINH				Chuyển tiếp từ 2024	đang làm hồ sơ thuê đất

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
60	Khai thác khoáng sản vàng gốc tại thôn 2, Phước Thành, Phước Sơn, Quảng Nam	5,29	5,29																							Phước Thành	có toa đồ vị trí bản đồ kế hoạch	QĐ 502/QĐ-UBND ngày 01/03/2023 của UBND huyện Phước Sơn vv công nhận kết quả trúng đất giá quyền khai thác khoáng sản vàng gốc tại điểm mỏ thôn 2 (thôn 4B cũ) xã Phước Thành; Giấy phép thăm dò số 495/GP-STNMT ngày 25/7/2023	Doanh nghiệp	Công ty CP tập đoàn khoáng sản công nghiệp 6666			Chuyển tiếp từ 2024	đang đợi hồ sơ phê duyệt trữ lượng, đã trình sở tài nguyên mt	
61	Khai thác cát, sỏi điểm mỏ PS1 km34 Phước Xuân (Công ty TNHH Phước Minh)	2,00		2,00																				2,00		Phước Xuân	1719462; 508070	Giấy phép thăm dò số 2544/GP-UBND ngày 9/8/2019	Công ty TNHH Phước Minh	Công ty TNHH Phước Minh			Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024	đã trúng đấu giá 2023, đang làm thủ tục xin phép khai thác	
62	Khai thác đất san lấp làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ PS-BS03, tổ dân phố số 4, thị trấn Khâm Đức	3,57		3,57						3,57																Khâm Đức	1707484 505837; 1707381 505906; 1707439 505983; 1707508 506041; 1707573 506273; 1707648 506203	QĐ số 503/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của UBND huyện Phước Sơn vv công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đất san lấp tại điểm mỏ PS-BS03, tổ dân phố số 4, thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam cho Công ty cổ phần Khoáng sản Miền trung Tây Nguyên; QĐ 406/QĐ-UBND ngày 16/2/2022 của UBND tỉnh Quảng	Công ty cổ phần Khoáng sản Miền trung Tây Nguyên	Công ty cổ phần Khoáng sản Miền trung Tây Nguyên			Chuyển tiếp từ 2024, có trong QĐ 72, phụ lục B - phụ lục II - STT 2 - trang 110, có trong quy hoạch khoáng sản tỉnh QN (QĐ 406)	đang làm thủ tục xin phép khai thác	

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)
																													Nam Phê duyệt bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030 (phụ lục - trang 8)						
63	Khai thác đất san lấp tại tại điểm mô PS-BS02 tổ dân phố số 04, thị trấn Khâm Đức	2,00		2,00						2,00																	Khâm Đức	1708720 505346; 1708825 505467; 1708723 505561; 1708643 505407	QĐ số 3808/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND huyện Phước Sơn vv Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đất san lấp tại điểm mô PS-BS02, Tổ dân phố số 4, thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn; QĐ 406/QĐ-UBND ngày 16/2/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam Phê duyệt bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030 (phụ lục - trang 8)	Doanh nghiệp	Công ty Cổ phần Xây dựng Thương Mại Long Bình			Đăng ký mới 2025, có trong QĐ 72, phụ lục B - phụ lục II - STT 1 - trang 110, có trong quy hoạch khoáng sản tỉnh QN (QĐ 406)	
64	Khai thác khoáng sản cát xây dựng điểm mô PS-BS01 thôn	1,68		1,68																				1,68		Phước Kim	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 506/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của UBND huyện Phước	Doanh nghiệp	Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - dịch vụ Phước Sơn			Đăng ký mới 2025, có trong QĐ 72,		

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
	2, xã Phước Kim																											Sơn vv công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản cát xây dựng tại điểm mỏ PS-BS01, thôn 2, xã Phước Kim, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; QĐ 406/QĐ-UBND ngày 16/2/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam Phê duyệt bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030 (phụ lục - trang 8)						phụ lục B - phụ lục II - STT 4 - trang 22, có trong quy hoạch khoáng sản tỉnh QN (QĐ 406)	
65	Khai thác cát xây dựng tại điểm mỏ PS5 km 47 xã Phước Xuân và xã Phước Hòa (Cty TNHH Tuấn Triều Phát)	2,00		2,00																						Phước Xuân; Phước Hòa	bản đồ kế hoạch 2025	Giấy phép thăm dò khoáng sản số 32/GP-STNMT ngày 24/1/2024 của Giám đốc sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng nam; QĐ số 505/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của UBND huyện Phước Sơn vv công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản cát xây dựng tại điểm mỏ PS5 Km47 xã Phước Xuân	Công ty TNHH Tuấn Triều Phát	Công ty TNHH Tuấn Triều Phát			Chuyển tiếp từ 2024	đang làm thủ tục xin phép khai thác	

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025	
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
																													và xã Phước Hoà							
CLN	Đất trồng cây lâu năm	132,65		132,65				132,65																				-								
66	Trồng cây Sacha Inchi, cây ăn quả khác và nuôi ong lấy mật	132,65		132,65				132,65																			Phước Chánh	Tiểu khu 683	Thông báo số 330/TB-UBND, 06/4/2023 của UBND huyện thông báo thỏa thuận địa điểm	Doanh nghiệp	Công ty cổ phần Sacha Inchi Phước Sơn			Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã trình hồ sơ đến các ngành chức năng ở tỉnh để xem xét cho chủ trương đầu tư	
2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất	985,98	68,27	917,71	0,47	1,73	2,88	145,29	0,64	751,83	0,68	0,45	0,01		0,01		1,41	0,03	0,78						6,03	0,81	4,66									
2.2.1	Giao đất, cho thuê đất (đã thực hiện thu hồi đất)	54,57	18,27	36,30	0,47	1,10	2,60	10,00	0,64	16,37		0,45	0,01		0,01		0,34	0,03	0,78						1,42	0,81	1,27									
DTT	Đất cơ sở thể dục - thể thao	3,76		3,76						2,94							0,06								0,02	0,74										
67	Khu liên hợp thể thao huyện Phước Sơn (giai đoạn 1)	3,76		3,76						2,94							0,06								0,02	0,74		Khâm Đức	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ 593/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND huyện Phước Sơn phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; NQ số 35/NQ-HĐND ngày 9/11/2021 của HĐND huyện về sửa đổi bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2021 - 2025, biểu 2 Mục II.2	Ngân sách huyện, Ngân sách cấp trên	Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021		chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024	thu hồi xong, đang làm thủ tục giao đất
DG D	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	0,83	0,01	0,82				0,41		0,26		0,07	0,01		0,01		0,01								0,05											
68	Nâng cấp trường tiểu học liên xã Phước Chánh – Phước Công	0,17		0,17				0,11				0,06															Phước Chánh	bản đồ kế hoạch 2025	Quyết định số 2937/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND huyện Phước Sơn về phê duyệt chủ trương đầu tư	Ngân TW, Huyện sách Tỉnh,	Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã thu hồi xong, đang làm thủ tục giao đất	

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025	
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)		
69	Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS xã Phước Chánh; hạng mục: xây dựng mới 01 nhà đa năng, tường rào, cổng ngõ	0,32		0,32				0,01		0,25						0,01								0,05		Phước Chánh	bản đồ kế hoạch 2025	Quyết định số 2937/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND huyện Phước Sơn về phê duyệt chủ trương đầu tư	Ngân sách TW, Huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã thu hồi xong, đang làm thủ tục giao đất		
70	Nâng cấp trường mẫu giáo liên xã Phước Hiệp - Phước Hòa	0,18		0,18				0,15		0,01		0,01		0,01												Phước Hiệp	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 2278/QĐ-UBND ngày 7/9/2023 của UBND huyện Phước Sơn v/v phê duyệt dự án	Ngân sách TW, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện đối ứng	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 38/NQ-HĐND ngày 22/9/2023		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã thu hồi xong, đang làm thủ tục giao đất, đang thi công.		
71	Trường phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Phước Kim	0,16	0,01	0,15				0,14					0,01													Phước Kim	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 773/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND huyện Phước Sơn phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án	Ngân sách TW, tỉnh, ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 38/NQ-HĐND ngày 22/9/2023		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã thu hồi xong, đang làm thủ tục giao đất, đang thi công.		
ONT	Đất ở tại nông thôn	19,44		19,44	0,47	1,10	1,49	7,46		7,11		0,35					0,26	0,03	0,72					0,16		0,29										
72	Khu dân cư thôn 4 (thôn 6 cũ) xã Phước Chánh	1,94		1,94	0,01		0,92	0,73								0,02								0,02		0,24	Phước Chánh	bản đồ kế hoạch 2025	Quyết định số 2937/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND huyện Phước Sơn về phê duyệt chủ trương đầu tư	Ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 25 ngày 19/4/2021	NQ 84/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024	đang làm thủ tục giao đất	
73	Khu tái định cư bố trí dân cư thôn 2	1,37		1,37						0,64						0,01		0,71						0,01			Phước Hòa	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 808/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND huyện Phước Sơn v/v phê duyệt dự án	Vốn chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 và đối ứng ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã thu hồi xong, đang thi công.	
74	Khu tái định cư thôn 3	1,80		1,80				0,43		1,10		0,20				0,03								0,03		0,01	Phước Kim	bản đồ kế hoạch 2025	Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày	Ngân sách tỉnh và huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD&	NQ 53/NQ-HĐND		Chuyển tiếp từ	đã thu hồi xong, đang làm thủ tục	

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																						Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025	
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS										DCS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
	(thôn Triên cũ) xã Phước Kim																											4/6/2021 của UBND huyện Phước Sơn về phê duyệt báo cáo KTKT		PTQĐ huyện Phước Sơn	ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 25 ngày 19/4/2021		2021, 2022, 2023, 2024	giao đất. Đã bố trí dân hết dự án nhưng chưa cấp bìa đo cho dân	
75	Khu tái định cư thôn 2 (thôn Trà Vãn A cũ) xã Phước Kim	2,12		2,12			0,20	0,30		1,60							0,01							0,01			Phước Kim	bản đồ kế hoạch 2025	Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 01/4/2021 của UBND huyện Phước Sơn về phê duyệt báo cáo KTKT điều chỉnh, bổ sung	Ngân sách TW và Ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 25 ngày 19/4/2021		Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024	đã thu hồi xong, đang làm thủ tục giao đất. Đã bố trí dân hết dự án nhưng chưa cấp bìa đo cho dân
76	Khu tái định cư thôn 3 (thôn 6 cũ), xã Phước Lộc	1,06		1,06	0,30		0,10	0,07		0,55							0,02								0,02	Phước Lộc	bản đồ kế hoạch 2025	Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 2/4/2021 của UBND huyện Phước Sơn phê duyệt báo cáo KTKT	Ngân sách TW, ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 25 ngày 19/4/2021		Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024	đã thu hồi xong, đang làm thủ tục giao đất	
77	Khu giãn dân thôn 1	0,92		0,92				0,51		0,20		0,15					0,06									Phước Năng	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 1484/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND uyện v/v phê duyệt dự án đầu tư	Ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022		chuyển tiếp từ 2022, bổ sung 2022, NQ 34, 2023, 2024	đã thu hồi xong, đang làm thủ tục giao đất	
78	Khu giãn dân thôn 2	0,80		0,80			0,05	0,70		0,04															0,01	Phước Năng	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 1649/QĐ-UBND ngày 4/7/2022 của UBND huyện v/v	Ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND		chuyển tiếp từ 2022, bổ sung 2022,	đã thu hồi xong, đang làm thủ tục giao đất	

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
																												phê duyệt dự án đầu tư			ngày 9/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022		NQ 34, 2023, 2024		
79	Khu tái định cư thôn 3, xã Phước Thành	2,00		2,00		0,70	0,01	1,19									0,04	0,03						0,03			Phước Thành	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 226/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của UBND huyện Phước Sơn về phê duyệt báo cáo KTKT	Ngân sách TW và Ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 25 ngày 19/4/2021		Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024	đã thu hồi xong, đang làm thủ tục giao đất
80	Khu tái định cư thôn 2, xã Phước Thành	2,50		2,50			0,06	2,38									0,01							0,05			Phước Thành	bản đồ kế hoạch 2025	Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND huyện Phước Sơn về phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật điều chỉnh, bổ sung xây dựng công trình Khu TĐC thôn 2, xã Phước Thành	Ngân sách TW và Ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 25 ngày 19/4/2021		Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024	đã thu hồi xong, đang làm thủ tục giao đất
81	Khu giãn dân thôn 4 (thôn 8 cũ)	3,11		3,11	0,15	0,40	0,13	0,08		2,35																	Phước Hiệp	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 2972/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện Phước Sơn về phê duyệt dự án	Ngân sách TW, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện đối ứng	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 38/NQ-HĐND ngày 22/9/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, đang thi công.
82	Khu tái định cư thôn 2 xã Phước Thành	1,17		1,17	0,01		0,02	1,07									0,05							0,01	0,01	Phước Thành	bản đồ kế hoạch 2025	Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND huyện Phước Sơn về việc phê duyệt đầu tư dự án khu tái định cư thôn 2 xã Phước Thành	Ngân sách TW và Ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 38/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023	Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, đang thi công.	

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025		
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)		
83	Khu giãn dân thôn Lao Mung	0,65		0,65						0,63							0,01		0,01								Phước Xuân	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 899/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của UBND huyện Phước Sơn v/v phê duyệt dự án	Ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, đang thi công.		
DGT	Đất giao thông	30,38	18,26	12,12			1,11	2,13	0,64	5,90		0,03					0,01		0,06					1,24	0,02	0,98											
84	Đường giao thông nối xã Phước Năng - Phước Chánh (ĐH6-PS)	1,10		1,10						1,09														0,01				Phước Chánh ; Phước Năng	bản đồ kế hoạch 2025	Quyết định số 1850/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê duyệt chủ trương đầu tư	Ngân sách tỉnh và huyện	UBND huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2019, NQ 20, từ 2020, 2021, 2022, 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, tiếp tục thực hiện, đang thi công	
85	Đường sản xuất liên xã Phước Đức – Phước Năng	2,08	0,21	1,87			0,11			1,76																		Phước Đức; Phước Năng	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 311/QĐ-UBND ngày 17/2/2023 của UBND huyện vv phê duyệt dự án đầu tư; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 12/3/2024 của HĐND huyện Phước Sơn về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, biểu 09 - stt 3	Ngân TW, huyện	sách tỉnh, huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, tiếp tục thực hiện. Đã bồi thường xong cây cối, hoa màu và đất. Đã xong nền đường tại Phước Năng, chưa xong nền đường tại Phước Đức. Đang thi công
86	Đường GT thôn 1 - Thôn 4 xã Phước Đức giai đoạn 2	1,72	1,60	0,12			0,07	0,02		0,02															0,01		Phước Đức	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ 844/QĐ-UBND ngày 3/4/2023 của UBND huyện Phước Sơn phê duyệt dự án đầu tư	Ngân sách TW, tỉnh, ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 38/NQ-HĐND ngày 22/9/2023		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, đã bồi thường 70% (đoạn từ sân bóng thôn 2 về thôn 5 chưa bồi thường), tiếp tục thực hiện, đang thi công.		
87	Kè sông Trường (đoạn qua xã Phước	1,73		1,73			0,05	0,91				0,03					0,01							0,72	0,01		Phước Hiệp; Phước Hòa	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 3056/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	Ngân sách huyện, Ngân sách cấp trên	UBND huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023;		chuyển tiếp từ 2022, 2023,	đã thu hồi 1 phần, tiếp tục thực hiện, đang		

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)
	Hoà và xã Phước Hiệp), huyện Phước Sơn																												của UBND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Kè Sông Trường (đoạn qua xã Phước Hòa và xã Phước Hiệp), huyện Phước Sơn			NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021		2024	thi công
88	Cầu qua sông Trường xã Phước Hiệp và đường giao thông vào vùng sản xuất Phước Hiệp - Phước Hòa (Điểm đầu tuyến giáp nối nút GT hiện trạng Quốc lộ 14E tại Km 72+387)	0,98	0,02	0,96			0,06			0,73														0,05		0,12	Phước Hiệp	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 1861/QĐ-UBND ngày 27/7/2023; QĐ số 2210/QĐ-UBND ngày 5/9/2023 của UBND huyện Phước Sơn v/v phê duyệt dự án ; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 12/3/2024 của HĐND huyện Phước Sơn về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, biểu 09 - stt 5	Ngân sách TW, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện đối ứng	Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 38/NQ-HĐND ngày 22/9/2023		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã thu hồi 90% dự án, tiếp tục thực hiện (đối tên: Cầu qua sông Trường xã Phước Hiệp và đường giao thông vào vùng sản xuất Phước Hiệp - Phước Hòa (Điểm đầu tuyến giáp nối nút GT hiện trạng Quốc lộ 14E tại Km 72+387) , điều chỉnh giảm diện tích theo điều chỉnh quy hoạch.
89	Cầu qua sông Trường và đường giao thông vào vùng sản xuất Phước Hòa – Phước Hiệp	1,49	0,05	1,44						1,36									0,06						0,02		Phước Hòa	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 1172/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND huyện Phước Sơn v/v phê duyệt dự án; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 12/3/2024 của HĐND huyện Phước Sơn về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, biểu 09 - stt 1	Ngân sách TW, tỉnh, huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, tiếp tục thực hiện, điều chỉnh giảm diện tích theo điều chỉnh quy hoạch.
90	Khôi phục, tái thiết tuyến ĐH1.PS	16,35	12,91	3,44			0,33	0,88	0,64	0,64														0,15		0,80	Phước Kim; Phước Thành	bản đồ kế hoạch 2025	Quyết định số 2313/QĐ-UBND 12/8/2021	Ngân sách TW, tỉnh, huyện	UBND huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày	NQ 31/NQ-HĐND ngày	Chuyển tiếp từ 2021,	đã thu hồi 1 phần, tiếp tục thực hiện, đang

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025	
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
	(đoạn Phước Kim – Phước Thành)																																			
91	Khôi phục, tái thiết tuyến ĐH2.PS (đoạn Phước Thành – Phước Lộc)	4,93	3,47	1,46			0,49	0,32		0,30																	Phước Lộc; Phước Thành	bản đồ kế hoạch 2025	Quyết định số 2314/QĐ-UBND 12/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt chủ trương đầu tư	Ngân sách TW, tỉnh, huyện	UBND huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 25 ngày 19/4/2021	NQ 31/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, tiếp tục thực hiện, đang triển khai thi công.	
DRA	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,16		0,16						0,16																										
92	Mở rộng, nâng cấp khu xử lý rác thải tập trung thị trấn Khâm Đức	0,16		0,16						0,16																	Khâm Đức	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 1404/QĐ-UBND ngày 9/6/2022 của UBND huyện Phước Sơn v/v phê duyệt BC KTKT dự án đầu tư	Ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022		chuyển tiếp từ 2022, bổ sung 2022, NQ 34, 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, đang thi công.	
2.2.2	Công trình, dự án thuộc thẩm quyền UBND	931,41	50,00	881,41		0,63	0,28	135,29		735,46	0,68							1,07						4,61		3,39										
LUC	Đất chuyên trồng lúa nước	6,00		6,00						3,00																3,00										
93	Khai hoang đất lúa	3,00		3,00																						3,00	Phước Mỹ	bản đồ kế hoạch 2025	Theo quy hoạch	Hộ gia đình, cá nhân	Hộ gia đình, cá nhân			Chuyển tiếp	đang thực hiện	

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
	nước																															từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024			
94	Khai hoang, xây dựng thủy lợi ruộng khe Nước Xuân thôn 2	3,00		3,00						3,00																	Phước Hòa	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ 2157/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND huyện Phước Sơn phê duyệt kế hoạch phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh trên địa bàn huyện Phước Sơn năm 2024	Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện	UBND xã			chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024	Có kinh phí xây lắp nhưng chưa có kinh phí GPMB
CLN	Đất trồng cây lâu năm	756,89		756,89				93,63		663,26																									
95	Thuê quyền sử dụng đất trồng cây cao su tại thôn Lao Đu, Phước Xuân	93,63		93,63				93,63																			Phước Xuân	bản đồ kế hoạch 2025	CV 252/UBND-KTN ngày 22/1/2009 của UBND tỉnh Quảng Nam vv thỏa thuận vùng dự án và diện tích trồng cao su của công ty cao su Quảng Nam; CV 3679/UBND-KTN ngày 3/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam vv ý kiến phương án sử dụng đất của công ty TNHH MTV cao su Nam Giang - Quảng Nam	Công ty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam 0235384082 2	Công ty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam 0235384082 2			đã trồng cây cao su từ năm 2009 và kết thúc dự án vào năm 2012, chuyển tiếp 2021, 2022, 2023, 2024	

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
96	Thuê đất trồng cây lâu năm	663,26		663,26						663,26																	Phước Xuân, Phước Hòa, Phước Hiệp	bản đồ kế hoạch 2025	CV 3108/UBND -KTN 19/8/2013 của UBND tỉnh Quảng Nam vv cho phép Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam trồng cây cao su năm 2013 tại xã Phước Xuân, huyện Phước Sơn trong thời gian hoàn thành các thủ tục thuê đất	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam			Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022, 2023, 2024	
RSX	Đất trồng rừng sản xuất	50,00	50,00																																
97	Đầu tư trồng rừng gỗ lớn	50,00	50,00																								Phước Hòa	bản đồ kế hoạch 2025	Thông báo 967/TB-UBND ngày 05/9/2024 của UBND huyện Phước Sơn Kết luận của Chủ tịch UBND huyện Lê Quang Trung tại cuộc họp giao ban với các Phó Chủ tịch UBND huyện ngày 04/9/2024 Thống nhất chủ trương, giao Phòng NN&PTNT phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương hướng dẫn Công ty thực hiện theo quy trình, thủ tục hiện hành	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Công Nghiệp Và Thương Mại Vít Việt	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Công Nghiệp Và Thương Mại Vít Việt			Đăng ký mới 2025	
CNT	Đất chăn nuôi tập trung	118,52		118,52		0,63	0,28	41,66		69,20	0,68						1,07							4,61		0,39									
98	Khu chăn nuôi tập trung (Heo/ trâu, bò/ gia cầm) xã Phước Hiệp	40,27		40,27		0,63	0,28	2,80		34,30	0,35						0,53							1,18		0,20	Phước Hiệp	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 2996/QĐ-UBND ngày 3/11/2022 của UBND huyện Phước Sơn v/v phê	Ngân sách TW, sách ngân sách đối ứng	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn			Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, đang thi công.

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																							Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	Tiến độ dự án 2025
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	TSC	DYT	DGD	DTT	DGT	DTL	DNL	DBV	DKV	TIN	NTD	MNC	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=6+...+ 27)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)
																													duyet dự án						
99	Trang trại nuôi lợn giống sinh sản và trồng cây ăn quả	7,42		7,42						7,42																	Phước Hiệp	Thừa 138, GCNQSD Đ số CX888297, do UBND huyện cấp ngày 10/02/2022	CV 611/UBND-KT, 01/7/2022 của UBND huyện; 182/UBND-KT, 28/02/2022 của UBND huyện	Doanh nghiệp	Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Phước Sơn			Chuyể n tiếp từ năm 2023, 2024	đang chờ thông qua kế hoạch sử dụng đất để điều chỉnh quy hoạch rồi mới thực hiện
100	Khu chăn nuôi tập trung (Heo/ trâu, bò/ gia cầm) xã Phước Hòa	43,35		43,35				38,86			0,33						0,54							3,43		0,19	Phước Hòa	bản đồ kế hoạch 2025	QĐ số 3433/QĐ-UBND ngày 8/12/2022 của UBND huyện Phước Sơn v/v phê duyệt dự án	Ngân sách tỉnh, TW, huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD& PTQĐ huyện Phước Sơn			Chuyể n tiếp từ năm 2023, 2024	đã thu hồi 1 phần, đang thi công.
101	Trang trại chăn nuôi của công ty CP Thủ Thiêm Investment	23,38		23,38						23,38																	Phước Hiệp	bản đồ kế hoạch 2025	121/TB-UBND, 08/02/2023 của UBND huyện		Công ty CP Thủ Thiêm Investment			Chuyể n tiếp từ 2024	chưa triển khai hoạt động nào
102	Trang trại chăn nuôi lợn thịt công nghệ cao khép kín	4,10		4,10						4,10																	Phước Hòa	bản đồ kế hoạch 2025	Tờ trình 02/2024/TTr-HTX ngày 4/4/2024 của HTX nông nghiệp và chế biến Phước Hòa đề xuất đầu tư dự án	HTX nông nghiệp và chế biến Phước Hòa	HTX nông nghiệp và chế biến Phước Hòa			Đăng ký mới 2025	

Biểu 13/CH
CHU CHUYỂN ĐẤT ĐAI TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN PHƯỚC SƠN

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2024	Chu chuyển đất đai trong năm 2025																								Cộng giảm	Diện tích cuối năm 2025		
				NNP	LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RDD	RSX	RSN	NTS	CNT	PNN	ONT	ODT	TSC	CQP	CAN	DSN	CSK	CCC	TIN	NTD	MNC			CSD	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(2)	(3)	(2)	(3)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(29)	(34)	(42)	(43)	(44)	(45)	(65)	(66)	
1	Đất nông nghiệp	NNP	110.694,92	109.485,81					663,26						112,45	204,12	22,21		0,47	0,05	0,66	4,66	23,84	151,53		0,70			1.209,11	110.499,87	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.436,81	0,63	1.429,28										0,63	6,90	1,68						0,50	4,62		0,10			7,53	1.435,28	
-	Đất chuyên trồng lúa	LUC	544,25			541,18										3,07	0,58						0,50	1,99					3,07	547,18	
-	Đất trồng lúa còn lại	LUK	892,56	0,63			888,10								0,63	3,83	1,10							2,63		0,10			4,46	888,10	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	647,39	0,28				600,69							0,28	46,42	1,97				0,04		0,10	44,31					46,70	600,69	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.623,44	267,94					4.312,68						41,66	42,82	10,01		0,24	0,05	0,32	0,42		31,18		0,60			310,76	5.202,22	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	46.460,41							46.459,69						0,72								0,72					0,72	46.459,69	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	19.048,29								19.048,29																			19.048,29	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	38.467,25	735,46					663,26			37.625,75			69,20	106,04	8,55		0,23		0,30	4,24	23,24	69,48					841,50	37.625,75	
1.7	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	7.873,31										7.873,31																	7.873,31	
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	11,33	0,68										9,43	0,68	1,22								1,22					1,90	9,43	
1.9	Đất chăn nuôi tập trung	CNT																												118,52	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.050,82	5,68											5,68	3.991,55	1,84		0,39	0,10	0,73	0,53	5,68	41,70					59,27	4.318,76	
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	357,95													2,56	353,93		0,31		0,07	0,09		2,09					4,02	379,74	
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	99,48															99,48												99,48	
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,15													0,28			7,87		0,20	0,01		0,07					0,28	8,73	
2.4	Đất quốc phòng	CQP	32,87																	32,87										33,02	
2.5	Đất an ninh	CAN	1,05																		1,05									2,62	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	64,52													0,63	0,01			0,10	0,23	63,26		0,05					1,26	70,82	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	377,99																				377,99							452,63	
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2.400,67	1,07											1,07	11,72	1,65		0,08		0,23	0,17		2.387,35					13,32	2.603,27	
2.9	Đất tín ngưỡng	TIN	0,84													0,84								0,01	0,83					0,01	0,83
2.10	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	57,19													57,19								0,05		57,14				0,05	57,84
2.11	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	650,11	4,61											4,61	645,50	0,18					0,02	5,68	29,84			609,78		40,33	609,78	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	589,15	3,39	3,00	3,00									0,39	69,50	0,30					0,18	1,74	45,12	22,16				516,26	72,89	516,26

